

BIỂN TRONG VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM

Võ Nguyễn Bích Duyên, Huỳnh Thị Diệu Duyên*

Tóm tắt

Trong suốt diễn trình văn học Việt Nam, biển là một trong những nguồn cảm hứng, đồng thời cũng là hình tượng nghệ thuật cơ bản. Biển là một khách thể thẩm mỹ, là đối tượng nhận thức, vừa là biểu tượng đa nghĩa. Từ văn học dân gian cho đến văn học viết, hình tượng biển vừa mang những nét cố định như giàu đẹp, hào phóng, hiểm nguy, thử thách; vừa luôn có sự vận động và biến hóa thú vị do gắn với sự thay đổi trong nhận thức, tâm thế của nhân dân về biển. Có thể khẳng định từ giác độ văn học nghệ thuật, biển là một phần không thể tách rời trong tâm hồn, cuộc sống và văn hóa của người Việt.

Từ khóa: hình tượng biển, văn học Việt Nam.

Việt Nam là một quốc gia có đường bờ biển dài, vùng thềm lục địa rộng và hơn 3000 hòn đảo lớn nhỏ. Sự hiện diện của biển, đối với cư dân Việt, không đơn thuần chỉ là sự sắp đặt mang tính “thiên mệnh” về địa lí, mà quan trọng hơn, còn góp phần tạo lập không gian sinh tồn, không gian văn hóa linh thiêng của dân tộc. Tự bao đời nay, người Việt vẫn tự hào về nòi giống Tiên Rồng. Một phần máu thịt được hoà thai từ Biển. Một nửa cội nguồn là Biển. Biển in đậm dấu ấn trong tâm thức người Việt. Đi vào văn chương, hình tượng biển là một dòng chảy liên tục, xuyên suốt từ văn học dân gian sang văn học viết và trải rộng ở hầu khắp các thể loại.

1. Biển trong văn học dân gian Việt Nam

Kết quả lược khảo cho thấy, biển xuất hiện trong văn học dân gian khá phổ biến với nhiều thể loại khác nhau. Rõ ràng, từ hiện thực tự nhiên, từ không gian địa lí, biển đã dịch chuyển vào thế giới văn học nghệ thuật và trở thành hiện thực tư duy, hiện thực tâm hồn của cha ông từ đời này sang đời khác. Do vậy, sự có mặt của biển, hay những yếu tố liên quan đến biển trong văn học dân gian sẽ giúp người đọc hôm

nay nhận biết được một số đặc điểm của tâm thức người Việt xưa về biển cả.

Những câu chuyện thần thoại về Thần Biển, hay truyền thuyết Lạc Long Quân, Âu Cơ cho thấy biển tự ngàn xưa đã là phần tự nhiên gắn bó mật thiết, gần gũi với nhân dân ta. Trong tâm thức cha ông, trong nguồn cội dân tộc, biển và núi là sự hòa hợp của đất và nước, của âm và dương. Người Việt đầu sóng giữa đồng bằng, trên non cao hay dọc theo bờ biển thì vẫn cứ là con cháu rồng tiên, chung trong một bọc trứng. Hướng về non là trở về với vòng tay mẹ Âu Cơ, nhìn về biển là trở về với bờ vai cha Lạc Long Quân. Trong cách giải thích của người xưa về cấu trúc hay sự kiến tạo nên đất nước, núi đồi và biển cả như truyện *Thần trụ trời* thì biển trời chung từ một khối. Sông và biển là do thần đào đất mà xây cột chống trời, tạo nên vũ trụ, tự nhiên chỗ cao, chỗ sâu, cho con người tồn tại. Trí tưởng tượng ngây thơ của người xưa dù rất phi lý, vẫn rất đẹp, rất lãng mạn bởi niềm tin thế giới rộng lớn này – bao gồm cả biển sâu - đều có lý do tồn tại. Có lẽ đây gốc rễ của những nhận cảm sâu sắc về biển, cũng như sự trở đi trở lại của biển trong văn học dân gian nói riêng và văn học Việt Nam nói chung.

* ThS, Trường Đại học Phú Yên

Biển là hiện thực tự nhiên tươi đẹp. Không ai có thể phủ nhận vẻ đẹp đầy hấp dẫn của biển Việt Nam, nhất là ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ. Thế nên ca dao, dân ca sản sinh ở miền đất này có không ít những bài mang âm hưởng ngợi ca biển rõ nét:

Tiên Châu có bãi cát vàng

Có cầu Vạn Cui có hàng dừa xanh ⁽¹⁾

Sự hòa điệu của sắc màu nước xanh, cát trắng, nắng vàng và của không gian gió lồng khoáng đãng thật sự là niềm kiêu hãnh của người dân nơi đây khi nói về biển – cũng đồng nghĩa là lời trữ tình với quê hương, đất nước.

Nhưng biển Đông không chỉ đẹp, mà còn rất giàu có và hào phóng. Biển nuôi dưỡng và dâng tặng cho con người biết bao sản vật phong phú. Người dân sống cuộc đời gắn liền với biển không khỏi hàm ơn, nên ngợi ca biển giàu có cũng là cách tri ân biển:

Cá ngon là cá Cù Mông

Gạo ngon là gạo ở đồng Phú Dương ⁽²⁾

Giản dị như cách nói “*Cơm với cá như má với con*”, câu ca dao dù chỉ so sánh con cá đánh bắt từ các vùng biển, cơm gạo từ đất đai, đồng ruộng, nhưng đã hàm chứa trong đó vừa là kinh nghiệm, nhận thức về biển, vừa là mùi vị đời sống cần lao và nghĩa tình sâu sắc. Đó là những giai điệu ngợi ca đầy tự hào về biển cả quê hương – là nơi con người nương tựa để mưu sinh, là nơi ươm mầm những tình cảm thiêng liêng như tình yêu quê hương, đất nước. Biển như đất liền cũng là nơi gieo dưỡng những giá trị tinh thần tốt đẹp như lòng biết ơn và sự trân trọng khi thụ hưởng những món quà vô giá từ biển. Ca dao nói riêng cũng như văn học dân gian nói chung thể hiện tình yêu, sự gắn bó của con người với biển theo nguyên tắc ứng xử có trước có sau, trọn vẹn thủy chung.

Gắn bó với biển, nên con người Việt Nam vừa yêu biển vừa phải luôn tìm hiểu, khám phá, nhận thức về biển. Những bài về các lái hay những nhật kí về hải trình thật sự là kho kiến thức vô giá đối với những ngư dân hay giới giao thương trên biển. Nơi nào trên biển nông sâu, an toàn hay nguy hiểm,... đều được các lái ghi nhớ, vừa là kinh nghiệm nhắc mình vừa là cảm nang cho người khác:

- Mò O, Dỏ Tó rất kinh

Lại thêm Đá Vách dựa kê Vũng Găng

- Ngó vô Cửa Mới thêm rầu

Nay bồi, mai lở cạn sâu vô chừng ⁽³⁾

Sự am hiểu tường tận về biển cả đã cho thấy sự gắn bó thiết thân giữa con người và biển cả. Có thể nói, không đâu trong các thể loại văn học dân gian, biển xuất hiện với tư cách là đối tượng duy nhất được tập trung miêu tả, khắc họa như ở những cuốn hải trình đặc biệt này.

Trong suốt hành trình sống cùng biển, dẫu nhìn biển từ đất liền hay khi lênh đênh trên biển, cha ông ta hiểu rằng đó là một không gian quá rộng lớn, đôi khi vượt quá giới hạn nhận thức của con người:

- Tha hồ biển rộng sông sâu

Bóng chim tắm cá quen nhau bao giờ ⁽⁴⁾

- Sông sâu mà biển cũng sâu

Muốn ăn cá lớn dong câu cho dài ⁽⁵⁾

- Núi cao biển rộng mênh mông

Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi ⁽⁶⁾

(Ca dao)

Và vì vậy nên biển còn là một nơi tiềm tàng biết bao hiểm nguy, thử thách, khó dò, khôn đo:

- Dạ sâu hơn bể, bụng kín hơn buồng ⁽⁷⁾

(Tục ngữ)

- Sóng sầm sịch, ỳ ằm ngoài biển Bắc

Mưa ào ào, ri rắc chôn hàng hiên ⁽⁸⁾

Muốn làm lơ mà ngủ cho yên

Sợ mưa già nước lụt, tựa con thuyền vào đâu? ⁽⁹⁾

(Ca dao)

Có lẽ vì vậy mà trong câu chuyện về Trọng Thủy, My Châu, biển lại trở thành “bước đường cùng” của cha con An Dương Vương khi trốn chạy Triệu Đà. Sự đánh giá của nhân dân thật xác đáng và sâu sắc. Vào thời An Dương Vương, nhân dân đã nhận ra vai trò quyết định của người cầm cương. Phần đầu truyện, An Dương Vương là người có công xây thành, dựng nước, phần sau An Dương Vương là người có tội vì đã nhấn chìm cơ đồ gây dựng xuống biển sâu. Việc để nhân vật có thật của lịch sử đi vào lòng biển (theo thần Kim Qui), chỉ là cách dân gian gián tiếp buộc tội một người đã có công với nước, hoặc có thể để nhà vua tự trừng phạt mình. Trong lòng biển, những hạt ngọc trai long lanh, theo giải thích của dân gian, chứa đựng cả máu đỏ và nỗi đau ngang trái của My Châu. Đứng trước biển, đối diện với trời biển bao la, với sự mất của giang sơn – sự nghiệp chỉ trong gang tấc, có lẽ không có gì đau đớn hơn như phút giây vua An Dương Vương rút gươm chém đứa con, báu vật mang theo của mình. Biển cả là vậy, vừa ưu ái ban tặng nhiều giá trị cho con người, nhưng cũng có thể trở nên lạnh lùng, tàn nhẫn khi trừng phạt. Trong nhiều câu chuyện khác như chuyện cổ tích *Sọ Dừa*, biển lại là nơi thử thách tâm lòng thủy chung và sự ứng biến thông minh, khôn khéo của cô gái út - vợ của Sọ Dừa, trước âm mưu của mấy bà chị tham lam, tàn ác. Vượt qua sóng gió thử thách, ngay cả khi bị cá kình nuốt vào bụng, phải ở một mình giữa hoang đảo, cuối cùng vợ Sọ Dừa cũng đón được thuyền của chồng và đoàn viên, hưởng phúc xứng đáng. Hay như nhân vật Mai An Tiêm trong truyện *Sự tích Quả dưa hấu*, dù bị vua đày ra hoang đảo, sống giữa biển nhưng vẫn vượt qua được thử thách nhờ biết tự mình lao động mưu sinh; biết dựng nhà, bắt cá, trồng rau, trồng dưa

bằng hai bàn tay và trí óc của mình. Hình ảnh những quả dưa hấu tròn to, được Mai An Tiêm trồng được, khắc tên thả trên biển, đem đến thông điệp ngợi ca lòng tự trọng và khả năng sáng tạo của con người.

Cũng từ sự bao la, biến hóa rất thực này, biển trong văn học dân gian đã chuyển hóa thành một ẩn dụ, một biểu tượng nghệ thuật về những điều, những việc khó làm, hoặc thậm chí là phi thường, vượt quá những chiều kích và khả năng thông thường. Từ đó, biển và những hoạt động liên quan đến biển thật sự trở thành thước đo tài năng, phẩm chất và cả sự nông sâu trong tâm tình của con người:

- *Ví dầu chỉ thấm tơ màn*

Khéo câu thì đặng cá kình biển Đông ⁽¹⁰⁾

- *Em tìm anh kể cũng có công*

Tìm từ bể bắc bể đông tìm về ⁽¹¹⁾

- *Chàng lên non thiếp cũng lên non*

Chàng lên trời, vượt biển

Thiếp cũng bồng con theo chàng ⁽¹²⁾

Biển cũng là điểm tựa để ông bà ta nói về những nghĩa tình không thể đong đếm, so sánh:

On hoài thai như biển

Ngãi dưỡng dục tựa sông

Em nguyện ở vậy không chồng

Lo nuôi cha mẹ hết lòng đạo con ⁽¹³⁾

Và cũng như núi, biển đi vào tâm thức người Việt như là một hiện thực không thay đổi, như con sóng ngày xưa và ngày nay vẫn thế (ý thơ Xuân Quỳnh), để từ đó biển là minh chứng cho những tình yêu sâu nặng, thủy chung, son sắt, thành lời thề nguyện của những đôi trai gái yêu nhau:

- *Cùng nhau căn dặn đến nơi*

Chỉ non thề biển một lời đinh ninh ⁽¹⁴⁾

- *Chùng nào nát đá vàng phai*

Biển hồ lấp cạn mới sai lời thề ⁽¹⁵⁾

Có thể thấy, trong văn học dân gian, biển xuất hiện dưới nhiều dạng thức khác nhau, khi thì trực tiếp với đúng danh xưng

của mình, khi thì gián tiếp thông qua những sản vật biển hay những hoạt động liên quan đến biển. Biển đi vào địa hạt sáng tạo nghệ thuật không chỉ với tư cách khách thể thẩm mỹ, một đối tượng nhận thức mà còn là một ẩn dụ, một biểu tượng mang tính đa nghĩa. Sự thường xuất và biến hóa của biển trong văn học dân gian là minh chứng không thể chối cãi về sự bền chặt, gắn bó giữa biển và nhân dân ta tự ngàn xưa. Mối quan hệ này cũng đã chi phối sâu sắc đến nếp sống, cách sinh hoạt, lối nghĩ suy, hành vi ứng xử của người Việt, góp phần hình thành các đặc điểm của văn hóa biển trong tổng thể văn hóa Việt Nam. Từ văn học dân gian làm nền tảng, biển cũng trở thành đối tượng phản ánh và tiếp tục được khám phá trong văn học viết. Trong mối quan hệ biện chứng giữa phản ánh hiện thực, cảm hứng sáng tạo và tiếp nhận nghệ thuật, biển đã giúp con người gắn kết với tự nhiên hơn, được trải nghiệm và làm phong phú thêm đời sống tâm hồn.

2. Biển trong văn học viết Việt Nam

2.1. Biển, trước hết, xuất hiện với ý nghĩa tả thực. Vẻ đẹp, sự giàu có, trù phú của biển được các tác giả chú trọng miêu tả. Vua Lê Thánh Tông, trong chuyến du hành qua vùng biển Quảng Ninh (xưa là vùng đất *An Bang*), đã ghi lại cảnh non nước nên thơ, kì vĩ nơi đây:

*Hải thượng vạn phong quần ngọc lập,
Tinh la kỳ bố thủy tranh vanh.* ⁽¹⁶⁾

(An Bang phong thổ)

*(Muôn ngọn núi nổi trên mặt biển trông như những viên ngọc đẹp,
La liệt những vì sao, những quân cờ, chênh vênh một màu xanh biếc.)*

Hai câu thơ thể hiện tâm thế của một người đứng trước biển phóng tầm mắt ra xa ngắm nhìn tạo vật. Một lần khác, sự tươi sáng, gần gũi, hòa hợp giữa con người và thiên nhiên ở cảng Vân Đồn khiến tâm hồn

nhà vua không khỏi rung cảm:

*Cảng khẩu thê mê nhật chính huân
Khinh chu tình phiếm vạn sơn vân
Hải biên nữ sĩ dao ngôn tiếu
Phong đã thuyền đầu thánh bát văn* ⁽¹⁷⁾

(Vân Đồn cảng khẩu)

*(Cửa biển mát mẻ trong nắng chiều
Thuyền lướt nhẹ êm trong vạn mây núi
Xa xa nghe tiếng các cô gái miền biển cười
đùa náo nhiệt
Gió lồng lộng ở đầu thuyền nên không nghe
rõ lời.)*

Trước ông, Nguyễn Trãi cũng đôi lần nhìn ngắm biển bằng con mắt của một tao nhân mặc khách:

*Thần Phù hải khẩu dạ trung qua,
Nại thử phong thanh nguyệt bạch hà.
Giáp ngạn thiên phong bài ngọc dẫn,
Trung lưu nhất thủy tấu thanh xà.* ⁽¹⁸⁾

(Quá Thần Phù hải khẩu)

*(Qua cửa khẩu Thần Phù vào lúc giữa đêm
Gió mát trăng thanh quá, làm sao đây?
Gần bờ nhìn ngọn núi bày ra như búp
mãng ngọc
Giữa dòng con nước chảy như rắn xanh.)*

Đoạn thơ miêu tả cửa biển Thần Phù vào khoảng thời gian nửa đêm. Giữa không gian bao la, tĩnh lặng, người không chú ý thường lăm nhưng đối diện với “*phong thanh nguyệt bạch*” tự nhiên khoáng đạt, làm sao tâm hồn không rung động? Câu hỏi và từ “*hà*” nghi vấn chính là sự bày tỏ cảm xúc tinh tế của nhà thơ. Dường như, chính nỗi “*khó xử*” trước vẻ đẹp của tự nhiên đã bộc lộ khí chất, tâm hồn nghệ sĩ ẩn giấu đằng sau hình tượng một người anh hùng, nhà quân sự tài ba Nguyễn Trãi.

Có thể nói, so với các tác giả khác của thời kì văn học trung đại, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông là những người viết khá nhiều về biển hay được khơi nguồn cảm hứng sáng tác từ biển. Vua Lê Thánh Tông, bên cạnh *An Bang phong thổ*, *Vân Đồn cảng*

khẩu..., còn có hẳn một tập thơ chữ Hán *Minh lương cảm tú thi tập* vịnh các cửa biển của đất nước (14/17 bài của tập thơ viết về các cửa biển). Nguyễn Trãi, ngoài *Bạch Đằng hải khẩu* còn có *Quan hải*, *Hải khẩu dạ bạc hữu cảm*, *Vân Đồn...* Song, nhìn chung, do sự chi phối của ý thức hệ tư tưởng, biển không xuất hiện nhiều trong các sáng tác văn chương trung đại. *Biển - giàu đẹp* lại càng hiếm và không phải là mạch cảm hứng chủ đạo của người xưa khi đứng trước biển, nghĩ về biển.

Sang đầu thế kỉ XX, biển với sự phong nhiêu, kì vĩ, thơ mộng trở thành một trong những hình tượng văn học quan trọng. Chỉ tính riêng ở thể tài du kí nửa đầu thế kỉ XX, đã có hàng loạt các tác phẩm đề cập đến nội dung này, như: *Chơi vịnh Hạ Long* (Nguyễn Hữu Tiên), *Trên lái than* (Trần Cư), *Bốn năm trên đảo Các Bà* (Vân Đài), *Ra Cù Lao Yến* (Phan Thị Nga), *Một tuần ở đảo Trường Sa* (Vĩnh Phúc), *Thăm đảo Phú Quốc* (Đông Hồ), *Hà Tiên du ngoạn* (Hồ Biểu Chánh)... Mỗi tác giả thể hiện một cách cảm nhận riêng, giàu mỹ cảm văn hóa về các danh lam thắng cảnh biển, đảo. Nếu như vùng biển Móng Cái – Hải Phòng trong du kí *Trên lái than* của Trần Cư mang vẻ huyền bí:

“Trên bờ vắng, sóng tóe lân tinh như những hạt kim cương trên cát... Mỗi lần cái mái chèo dúng xuống nước lại khoáng lên một mớ sao, một mớ ngọc hay một mớ kim cương. Nằm trong khoang, thò đầu ra mạn thuyền mà cho tay xuống vớt những chòm sao rụng trên mái chèo đặng mũi, mình cũng tưởng tay mình phun ra ngọc hay khoáng vào một chậu kim cương”.⁽¹⁹⁾

thì quang cảnh trên đảo Phú Lâm (thuộc quần đảo Hoàng Sa) lại hoang sơ, mội mạc qua ghi chép của tác giả Vĩnh Phúc:

“Đi bộ vòng quanh đảo cũng mất chừng hơn một giờ rưỡi. Có vài khóm cây to, còn

thì toàn một thứ cây cành to bằng cổ tay nhưng gỗ rất mềm, lá dài không cao quá đầu người, mọc khắp đảo. Không có một con thú vật gì, trừ một thứ chim muông (mouette) bay từng đàn rất đẹp nhưng thụt lại hôi, không ăn được. Lánh mình vào giữa đảo, lá vàng rụng đầy đất, bước lên êm như đi trên thảm. Không một tiếng động, trừ ra tiếng sóng vỗ bờ xa xa: thật là một cảnh êm đềm như mộng”.⁽²⁰⁾ (**Một tuần ở Hoàng Sa**)

Nhìn chung, thiên nhiên biển đảo từ Quảng Yên, Cát Bà cho đến Hoàng Sa, Trường Sa, Côn Lôn, Phú Quốc, Cà Mau... được miêu tả trong các tác phẩm du ký luôn mang vẻ khoáng đạt, thuần khiết và tiềm tàng sức sống. *“(…), có lắm cảnh nên thơ, có lắm cảnh dễ gây nguồn cảm cho người làm văn hoặc làm thi: ai viễn vọng thì giúp cho chí hưng hòa, ai mơ mộng cũng có cảnh giúp cho khối tình tha thiết (…)”*⁽²¹⁾ (**Hà Tiên du ngoạn** – Hồ Biểu Chánh).

Đáng lưu ý, các tác giả, bên cạnh việc miêu tả cảnh sắc biển đảo, còn khẳng định sự giàu có, những lợi ích kinh tế biển đảo mang lại. Theo nữ sĩ Vân Đài:

“(…) xưa nay, người Nam ta vẫn tưởng các hải sản như mực Bắc Hải, bào ngư, hải sâm, vây cá là những thực phẩm ở bên Tàu đem sang. Trái lại, ở đây tôi thấy rằng: Tất cả các hải vị quý hóa đều xuất sản ở Các Bà, Cô-tô (Goutow), Bạch Long Vỹ, kể bao là những cù lao miền Nam hải của chúng ta, chẳng qua bọn Khách trú cầm quyền “thao túng” đó thôi”⁽²²⁾

(**Bốn năm trên đảo Các Bà**)

2.2. Ở một khía cạnh khác, biển là một thành tố văn hóa đặc biệt, gắn liền với đất nước, lãnh thổ, với nhân dân và với những thăng trầm của lịch sử. Theo truyện *Hồng Bàng thị* trong **Lĩnh Nam chích quái** (Trần Thế Pháp), cuộc hôn phối giữa Rồng (giống sống dưới nước) và Tiên (sống trên cạn) đã

sinh ra những cư dân Bách Việt đầu tiên - tổ tiên của người Việt Nam ngày nay. *À ơ.../ muối mặn gừng cay/ một nửa ca dao đất nước tôi là biển (Hạ thủy những giấc mơ* – Nguyễn Hữu Quý). Lạc Long Quân khi chia tay Âu Cơ đã “dẫn 50 người con trai xuống biển”, mở mang bờ cõi đất nước về phía Đông, và có lẽ, cũng mở đầu cho quá trình chinh phục đầm lầy, chinh phục biển, chinh phục hải đảo, dần hoàn thiện bức địa đồ dân tộc của cha ông ta. Ngay từ rất sớm, người Việt đã thức nhận được biển vừa là nguồn sống (mò tìm các loại hải sản quý) nhưng đồng thời là không gian đầy hiểm nguy (các loài thủy quái). Cuộc sống dựa vào biển cả chưa bao giờ là dễ dàng. Truyện kể rằng, để đối phó với các loài thủy quái, vua Hùng dạy dân Việt cách xăm mình khi xuống nước. Mỗi lần gặp khó khăn, những ngư dân “con Rồng cháu Tiên” lại hướng ra biển, gọi cha Lạc Long Quân về trợ giúp, tiêu diệt thủy quái, mang lại cuộc sống yên bình. Nói cách khác, người Việt vừa học cách thích nghi vừa tìm cách chinh phục biển. Chiến thắng của những ngư dân Việt dưới sự trợ giúp của cha Lạc Long Quân mang ý nghĩa biểu tượng cho sức mạnh vật chất và tinh thần, cho trí tuệ của một dân tộc mà số phận gắn liền với biển cả.

Theo thống kê của các nhà sử học, 10/15 cuộc tấn công của các thế lực ngoại xâm vào nước ta là từ phía biển. Biển là chiến địa cũng đồng thời là chứng nhân lịch sử của quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Cho nên, trước biển, Nguyễn Trãi đã có những chiêm nghiệm về cuộc đời, thế sự và chính sự:

*Quan hà bách nhị do thiên thiết,
Hào kiệt công danh thử địa tăng.
Vãng sự hồi đầu ta dĩ hĩ,
Lâm lưu phủ cảnh ý nan thăng.* ⁽²³⁾

(Bạch Đằng hải khẩu)

(Dịch thơ:

*Quan hà hiểm yếu trời kia đặt
Hào kiệt công danh đất ấy từng
Việc trước quay đầu ôi đã vắng
Tôi dòng ngắm cảnh dạ băng khuâng)*

Nhà quân sự tài ba không khỏi ngậm ngùi khi nghĩ về thất bại của chiến lược “đóng cửa biển” của nhà Hồ:

*Thung mộc trùng trùng hải lãng tiền
Trầm giang thiết tỏa diệc đồ nhiên.
Phúc chu thủy tín dân do thủy,
Thị hiểm nan bằng mệnh tại thiên.
Họa phúc hữu môi phi nhất nhật,
Anh hùng di hận kỉ thiên niên.* ⁽²⁴⁾

(Quan hải)

(Dịch nghĩa:

*Cọc gỗ lớp lớp trông trước sóng biển
Xích sắt cũng được trầm dưới nước để
phong tỏa như thế*

*Thuyền có bị lật mới biết rằng dân
chẳng khác gì nước*

*Cậy vào địa thế hiểm trở cũng khó bằng
mệnh trời.*

*Họa phúc đều có duyên do, đâu phải chỉ
một ngày*

Anh hùng để lại mối hận nghìn năm.)

Cùng chung mạch cảm xúc, Nguyễn Việt Chiến - nhà thơ của thế kỉ XXI - xúc động nghĩ về bề dày lịch sử dân tộc, khi đứng trước biển:

*Nếu Tổ quốc nhìn từ bao hiểm họa
Đã mười lần giặc đến tận biển Đông
Những ngọn sóng hóa Bạch Đằng cảm tử
Lũ Thoát Hoan bạc tóc khiếp trống đồng
Thương đất nước trên ba ngàn hòn đảo
Suốt ngàn năm bóng giặc vẫn chập chờn
Máu đã đổ ở Trường Sa ngày ấy
Bạn tôi nằm dưới sóng mặn vùi thân.* ⁽²⁵⁾

(Tổ quốc nhìn từ biển)

Nhà thơ Phan Quế Mai xót xa trước những mất mát, hi sinh:

Tổ quốc của tôi, Tổ quốc của tôi!

Bốn nghìn năm chưa bao giờ ngơi nghỉ

Thấp lên ngọn đuốc Hòa Bình, bao người đã ngã

Máu của người nhuộm mặn sóng biển Đông. ⁽²⁶⁾

(**Tổ quốc gọi tên**)

Trong khi đó, vua Lê Thánh Tông - bằng cảm quan của một vị quân vương - đối diện với biển, ông nghĩ về một đất nước thái bình. Đi thuyền qua cửa bể Vân Đồn, nhà vua vui thấy “*Hải biên nữ sĩ dao ngôn tiếu*”; đi qua vùng biển Quảng Ninh, ông cảm nhận sự hậu đãi của thiên nhiên đối với con người nơi đây “*ngư diêm như thổ dân xu tiện*”; trong dịp đưa quân đi duyệt ở vùng Bạch Đằng, ông nghĩ về chính sách trị nước:

*Thần bắc khu cơ sâm hổ lữ,
Hải đông phong toại tức lang yên.
Thiên Nam vạn cổ sơn hà tại,
Chính thị tu văn yển vũ niên.* ⁽²⁷⁾

(Dịch nghĩa:

*Quân tướng hùng mạnh châu về nhà vua,
Khói lửa báo hiệu chiến tranh đã tắt lịm ngoài biển Đông.
Muôn thuở trời Nam, núi sông vẫn như cũ,
Chính lúc này cần lấy văn trị nước, hãy tạm xếp việc võ.)*

Cuối thế kỉ XVI, Trịnh Trình Nguyễn Bình Khiêm nêu lên sách lược quan trọng có ý nghĩa chiến lược về mặt quân sự, chính trị ở biển Đông:

*Vạn lý Đông Minh quy bả ác,
Ức niên Nam Cực điện long bình.
Ngã kim dục triển phù nguy lực,
Văn khước quan hà cựu đế thành.* ⁽²⁸⁾

(Dịch nghĩa:

*Vạn dặm biển Đông, quay về nắm trong bàn tay,
Ức năm Nam cực (nước Việt) vững vàng thịnh trị.
Ta nay những muốn đem sức phò ngay,
Lấy lại quan ải, non sông xưa của nhà vua.)*

Ý thơ nhấn mạnh việc phải nắm vững chủ quyền ở biển Đông - phần không gian sinh tồn của người Việt. Làm được điều đó thì *ức niên* – muôn vạn năm, cõi trời Nam - đất nước Việt Nam sẽ yên bình, thịnh trị. Phải chăng, khi viết những câu thơ này, Trịnh Trình Nguyễn Bình Khiêm đã dự cảm về một ngày biển Đông “*dậy sóng*”? Để nay, dự cảm ấy đã trở thành hiện thực:

*Ngày hôm nay kẻ lạ mặt rập rình
Chúng ngang nhiên chia cắt tôi và Tổ quốc
Chúng dẫm đạp lên dáng hình đất nước
Một tác biển cắt rời, vạn tác đất đón đau.* ⁽²⁹⁾

(**Tổ quốc gọi tên** – Nguyễn Phan Quế Mai)

2.3. Việt Nam là một đất nước nông nghiệp điển hình. Người Việt Nam, do vậy, vẫn ít nhiều gắn bó với đất liền, núi - sông - đồng - ruộng nhiều hơn biển. Biển cả mênh mông, không thấy đâu là bến bờ, đối với người Việt - đặc biệt là người xưa - nhiều bí ẩn, gây cảm giác sợ hãi, song lại kích thích trí tưởng tượng, mơ mộng. Có lẽ bởi vậy mà biển trong một số tác phẩm văn xuôi trung đại nhuộm màu sắc kì ảo. Biển là nơi hạnh ngộ, nên duyên vợ chồng giữa Từ Thức (người phàm) và nàng Giáng Hương (thần tiên) trong truyện **Từ Thức lấy vợ tiên**. Biển với không gian bề sâu: chốn thủy cung là nơi người con gái Nam Xương Vũ Thị Thiết nương thân sau khi trầm mình tự vẫn (trong **Truyện kì mạn lục** – Nguyễn Dữ). Biển - nơi có loài cá voi cứu người gặp nạn, gắn liền với tục thờ cá Ngư ông của cư dân vùng biển được ghi chép lại trong tập truyện **Lan Trì kiến văn lục** của Vũ Trinh.

Cũng vì tính chất mênh mông, rộng lớn vô cùng tận, cách biệt với đất liền mà biển còn là biểu tượng cho hoài bão lớn lao, khát vọng tự do, thanh cao thoát tục. Khi đứng trước biển hay đi trên biển, thi nhân thường cảm thấy hòa đồng với vũ trụ, thoát khỏi

những phiến muôn chốn trần gian. Tựa như cảm nhận của Nguyễn Trãi khi đứng trên đỉnh núi Yên Tử:

*Vũ trụ nhân quan cùng thương hải ngoại,
Tiểu đằm nhân tại bích vân trang.*⁽³⁰⁾

(**Đề Yên Tử sơn Hoa Yên tự**)

(Dịch nghĩa:

*Mắt đôi nhìn tận cùng ngoài biển biếc
Người nói cười ở giữa tầng mây xanh.)*

Hoặc như vị quan huyện trẻ Từ Thức (trong **Từ Thức lấy vợ tiên**) vì chán ghét chốn quan trường nhiều nhưong đã một mình một chiếc thuyền nan, du ngoạn chốn non nước, nơi “chân trời góc bể”. Còn nữ sĩ Mộng Tuyết trong chuyến dạo chơi Phú Quốc chợt nảy sinh ước muốn “lánh đời”:

“Không còn gì thú bằng ở chỗ mênh mông trời nước, vùi người tri kỉ bàn câu chuyện văn chương, buông tâm mắt ở chỗ tuyệt vời trong khoảng bóng trăng làn sóng, nào biết đâu trong đời còn có chuyện đáng bực mình”.⁽³¹⁾ (**Chơi Phú Quốc**)

Khát vọng vượt biển, làm cánh chim bằng sải đôi cánh che kín cả bầu trời, tìm đến chân trời mới được các thi nhân đầu thế kỉ XX mạnh mẽ bày tỏ:

*- Gió hồi gió phong trần ta đã chán
Cánh chim bằng chín vạn những chờ mong*⁽³²⁾
(Tản Đà)

*- Muốn vượt bể Đông theo cánh gió
Muôn trùng sóng bạc tiến ra khơi*⁽³³⁾
(Phan Bội Châu)

Hoài bão vượt bể, nói cách khác, là hoài bão vượt thoát những ràng rịt của cái cũ, tìm đến cái mới - là hoài bão duy tân, khai phóng con người. Không đợi đến Phan Bội Châu, Tản Đà, ..., ngay từ thế kỉ giữa thế kỉ XIX, Cao Bá Quát đã trăn trở, khắc khoải nỗi niềm về một sự thay đổi:

*Trường Sa, trường sa, phục trường sa
Nhất bộ, nhất hồi khước.
Nhật nhập hành vị dĩ...
Trường sa, trường sa, nại cừ hà ?...*

*Bắc sơn chi bắc, sơn vạn điệp,
Nam sơn chi nam, ba vạn cấp.
Quân hồ vi hồ sa thượng lập ?*⁽³⁴⁾

(**Sa hành đoản ca** – Cao Bá Quát)

(Dịch nghĩa :

*Bãi cát dài, lại bãi cát dài,
Đi một bước lại như lùi một bước.
Mặt trời đã lặn mà vẫn còn đi...
Bãi cát dài, bãi cát dài, biết tính sao đây ?...*

*Phía bắc núi Bắc, núi muôn trùng,
Phía nam núi Nam, sóng muôn đợt !
Anh còn đứng làm chi trên bãi cát !*

Cao Bá Quát, Tản Đà, Phan Bội Châu đều là những nhà Nho. Trước tình thế mới, họ thấm thía cái chật hẹp ngột ngạt của không gian văn hóa Việt Nam thuở ấy. Tiếc rằng, nếu như Cao Bá Quát ôm mối hận của kẻ sĩ bất đắc chí vì không được triều đình trọng dụng thì Phan Bội Châu... lại dờ dang, thất bại trên hành trình dân thân vượt bể. Dầu vậy, từ lớp tiên nhân đi trước đã khai mở con đường vươn ra biển, “ở ngoài kia đại dương” của dân tộc ta :

*Biển
Hạ thủy những giấc mơ đầu tiên
Những khát khao giông buồm vượt sóng
Lắm lớp bơi trên thời gian thăm thẳm*⁽³⁵⁾
(**Hạ thủy những giấc mơ** – Nguyễn Hữu Quý)

Sang thế kỉ XXI, *Biển – khát vọng tự do* trở thành tiếng nói tha thiết, riết róng trong truyện Nguyễn Huy Thiệp.

“Trước mặt tôi là dòng sông đang thao thiết chảy. Sông chảy ra biển. Biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển... mà tôi sống nửa cuộc đời rồi đấy... Tôi đứng lên đi về nhà. Ngày mai tôi đi ra biển. Ngoài biển không có thủy thần”.⁽³⁶⁾ (**Người con gái thủy thần**).

Giấc mơ biển gắn liền với hành trình đi tìm Giana Đoàn Thị Phụng – người con gái thủy thần của nhân vật Chương là giấc

mơ vượt thoát khỏi không gian tâm tưởng và xã hội, quán tính, tù đọng để tìm đến một cái gì toàn vẹn, mới mẻ: “*Con thường luông nín hơi bơi đi/ Tránh những bến quen ê chề/ Này bọn cá mương, cá ngao/ Mà có bao giờ mơ về đại dương*”. Đoạn văn này dễ khiến người đọc liên tưởng đến ý thơ trong bài **Sóng** của Xuân Quỳnh: “*Sóng không hiểu nổi mình / Sóng tìm ra tận bể...*”. Hành trình từ suối, từ sông đi ra biển lớn luôn là biểu tượng cho khát vọng vươn xa, vượt ra khỏi những giới hạn chật hẹp, tầm thường. Cũng vì vậy, tiểu thuyết **Đứng trước biển** (1982) của Nguyễn Mạnh Tuấn dù không nói về chuyện biển nhưng cái tiêu đề có chữ “biển” ấy vẫn có sức gợi về những khát vọng vượt trùng dương, vươn ra thế giới giữa khi đất nước ở vào thời kỳ bao cấp bị khủng hoảng nhất. Khác với tiểu thuyết **Đứng trước biển** mà không nói về biển của Nguyễn Mạnh Tuấn, tiểu thuyết **Dòng sông chổi từ** (2013) của Bùi Việt Sỹ là tác phẩm viết về biển, cụ thể là về những người lính canh giữ biển đảo. Mặc dù tiểu thuyết chỉ là hư cấu nhưng nhân vật và các chi tiết trong **Dòng sông chổi từ** dễ làm người đọc cảm nhận được tinh thần yêu nước, khát vọng giữ gìn, bảo vệ biển đảo của người dân Việt.

2.4. Biển, trong văn học, còn gợi liên tưởng đến sự vĩnh hằng, bất biến. Biển được ví như cái nôi nghìn đời của sự sống. Đi dọc bờ biển, Huy Cận miên man trong trường cảm xúc mới mẻ, lớn lao:

“*Cảm giác vũ trụ, cảm giác về sự sống, về sự sáng tạo vô hồi vô hạn của vũ trụ, của vật chất, của đất trời. Cảm giác về sự lớn lao lồng lộng của con người trong vũ trụ sinh hóa vô hạn vô hồi đó. Cảm giác Biển và cảm giác Đất hòa lẫn trong nhịp thở, trong nhịp máu của ta*”⁽³⁷⁾ (**Đi dọc bờ biển** – Huy Cận).

Nhà thơ nhận ra:

...*Nằm bên biển chẳng bao giờ*

Nghĩ chuyện tàn phai nhện hết tơ.

Biển thở nồng say hương vĩnh viễn

Đúc nên xanh biển mượt mà thơ⁽³⁸⁾ (**Bên biển**)

Cũng chính vì *biển – vĩnh hằng, bất biến* nên biển đồng thời là biểu tượng cho tình yêu lứa đôi. Các thi nhân tìm thấy ở biển sự sâu rộng vời vợi, những trở ngại cách ngăn tựa như nỗi nhớ thiết tha và những cách trở khi yêu:

Anh xa cách em như đất liền xa cách bể

Nửa đêm sâu nằm lắng sóng phương em

Em thân thuộc sao thành xa lạ thế

Sắp gặp em rồi sóng lại đẩy xa thêm.⁽³⁹⁾

(**Chùm nhỏ thơ yêu** – Chế Lan Viên)

Nhà thơ Hữu Thịnh lại mượn biển để diễn tả sự trống trải, cô đơn vì thiếu vắng người yêu:

Anh xa em

Trăng cũng lẻ

Mặt trời cũng lẻ

Biển vẫn cậy mình dài rộng thế

Vắng cánh buồm một chút đã cô đơn⁽⁴⁰⁾

(**Thư viết ở biển**)

Với Trần Đăng Khoa, *biển - em* song hành cùng nhau, lí tưởng chung hòa vào tình cảm riêng tư, tình yêu cá nhân quyện vào tình yêu đất nước:

Ngày mai, ngày mai, khi thành phố lên đèn

Tàu anh buông neo dưới chùm sao xa lắc

Thăm thẳm nước trời nhưng anh không có
độc

Biển một bên và em một bên.⁽⁴¹⁾

(**Thơ tình người lính biển**)

Từ lâu, biển đã là nguồn thi liệu, cảm hứng sáng tạo của thi ca nên văn chương Việt Nam có nhiều thơ viết về biển hơn văn xuôi. Cho tới nay, trong những tác phẩm thơ hay viết về biển đảo, thơ của Hữu Thịnh và Trần Đăng Khoa vẫn thường được nhắc tới nhất. Tác phẩm quy mô và được đầu tư xứng đáng nhất (từ 1981 đến 1994)

của Hữu Thịnh là *Trường ca biển*. Đây là trường ca viết về biển dài nhất và có nhiều giá trị nghệ thuật đặc sắc. Đọc những câu thơ của Hữu Thịnh, có cảm giác như sóng biển, bão tố ở Trường Sa đang ập vào mình, như ném được vị mặn rát của cát và tình người thấm đẫm ở đó:

*“Bão vò cây gào rít điên cuồng
Tóc của bão là lá cây rách tướp
Tay của bão là sóng thần rợn ngợp
Cả đất trời say sóng ở Trường Sa...”*

(*Trường ca biển*)

2.5. Trong suốt diễn trình văn học Việt Nam, giá trị của biển không đổi theo thời gian, song có ít nhiều sự khác biệt trong cảm quan về biển của người Việt. Dễ thấy rằng, ở vào buổi sơ khai, khi trình độ tư duy, nhận thức chưa cao, người Việt - đứng trước biển - chủ yếu chỉ để... quan sát biển, suy tư và chiêm nghiệm với tâm lí e ngại, lo sợ, trừ một bộ phận cư dân Việt là những ngư dân phải dần thân ra biển, ăn sóng nắm gió cùng biển. Cho nên, văn học dân gian ít có những cuộc ra khơi hay miêu tả không gian sinh hoạt lao động trên biển (chủ yếu là không gian đồng ruộng – không gian nông nghiệp ở dọc ven bờ biển). Trong khi đó, văn học viết, nhất là từ đầu thế kỉ XX đến nay, đã ghi lại hàng loạt những chuyến đi ra biển với tâm thế của những con người chinh phục biển, làm chủ biển cả, làm chủ tự nhiên. Vẫn còn đó tâm lí e dè, lo ngại nhưng tâm thế, tư thế thì đã khác:

*Dựa cột buồm, đạp mạnh hai chân trên
ván thuyền, tôi đứng vững như một nữ
tướng ra binh. Ba mái chèo đập, giọt nước
sáng tung rơi trên lát chèo trắng như bạc.
Sóng đưa cao, đưa cao... Lẹ làng, sóng
xuống thấp, xuống thấp!... Chiếc thuyền dúm
mũi xuống mặt nước như dờn chơi... Nền
trời sâu thẳm, nhìn mặt biển mênh mông,
nhìn sóng bập bênh, tôi vui sướng vì đã vào
vòng nguy hiểm”⁽⁴²⁾*

(*Ra Cù lao Yến* – Phan Thị Nga)

Cần thấy rằng, ngay trong bộ phận văn học viết, hình tượng biển ở giai đoạn văn học trung đại cũng ít nhiều khác biệt với biển trong văn học hiện đại. Thời trung đại, biển xuất hiện ít và có phần mờ nhạt. Cảm thức về biển của người xưa chủ yếu gắn liền với lí tưởng “*tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*” qua ngòi bút mang tính ước lệ, tượng trưng. Sang đến thế kỉ XX, biển xuất hiện đa diện và thường trực trong văn chương. Sự phong phú về cảm xúc cùng sự đa dạng trong cách thức miêu tả đã giúp cho hình tượng biển trở nên sinh động, nhiều chiều kích.

Nhìn ra văn học nước ngoài, chúng ta dễ bắt gặp biển trong rất nhiều tác phẩm từ nhiều quốc gia hay nền văn hóa khác nhau. Trước đây, đã có những tác phẩm nổi tiếng được đưa vào chương trình học như: *Illiade*, *Odysee* của Homère, *Robinson trên đảo hoang* của Daniel Defoe, *Ông già và biển cả* của Hemingway,... Gần đây tạp chí Guardian của Anh đã giới thiệu 10 cuốn tiểu thuyết được bầu chọn là hay nhất viết về biển là: 1. *The Awakening* của Kate Chopin (1899); 2. *Death in Venice* của Thomas Mann (1912, bản dịch tiếng Anh 1925); 3. *Brighton Rock* của Graham Green (1938); 4. *Holiday* của Stanley Middleton (1974); 5. *The Bookshop* của Penelope Fitzgerald (1978); 6. *The Sea, The Sea* của Iris Murdoch (1978); 7. *Beside the Sea* của Veronique Olmi (2001, Bản dịch tiếng Anh 2010); 8. *The Sea* của John Banville (2005); 9. *On Chesil Beach* của Ian Ewan (2007); 10. *The Many* của Wyl Menmuir (2016).

Về đại thể, văn học phương Tây viết về biển nhiều hơn và qui mô hơn về đề tài biển đảo. Trong khi tiểu thuyết viết về biển đảo của chúng ta yếu cả về số lượng lẫn chất lượng, thì với thể loại này, đề tài biển đảo lại được

thể hiện rất phong phú ở văn học phương Tây. Các nhân vật trong truyện nước ngoài thường được mô tả trong các cuộc hành trình rất thú vị, kịch tính như lên đênh trên biển hoặc du hành dưới lòng đại dương. Biển là hiện thực cuộc sống cũng là nơi thử thách họ, như Ulyssée gặp phong ba bão táp nhiều lần vẫn không từ bỏ quyết tâm trở về, như Robinson sau mấy lần gặp nạn trên biển vẫn lên thuyền ra biển, hay như ông lão Santiago đến tám mươi tuổi vẫn một mình ra biển để hiện thực hóa giấc mộng mang tên sư tử trắng... Rõ ràng, trong nhận cảm của người phương Tây, biển dù rộng lớn và khắc nghiệt, con người vẫn nuôi khát vọng hướng ra biển, vượt biển khơi. Họ mang tâm thế của người chinh phục, khám phá tự nhiên, chứ không phải sống hài hòa, nương tựa vào tự nhiên như người phương Đông.

Cái nhìn đối sánh sẽ cho thấy sự liên thông giữa văn học và văn hóa và sự khác biệt trong ứng xử với đề tài biển của văn học Việt Nam khác với Phương Tây. Dù hiện nay, trong văn học Việt Nam hiện đại và đương đại, tâm lí quay lưng lại với biển, e ngại biển đã được thay thế dần bằng tinh thần vươn ra biển lớn, ngợi ca khát vọng vươn xa, tinh thần bám biển của con người. Song so sánh khối lượng tác phẩm đồ sộ về đề tài đất liền với các tác phẩm viết về biển ít ỏi đã có, có thể thấy văn học vẫn chưa tương xứng, chưa bù khuyết được sự chênh lệch này. Việt Nam cũng như nhiều quốc gia có biển hiện nay đang đứng trước nhiều áp lực cạnh tranh về biển trong thế kỷ XXI. Dù muốn dù không, văn chương cũng như con người cũng phải nhìn ra biển trong một tâm thế mới, sẵn sàng hội nhập, hiện đại

hóa, đẩy nhanh tốc độ phát triển nhưng vẫn lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

3. Kết luận

Có thể nói, biển là một trong những hình tượng văn học cơ bản và là nguồn cảm hứng lớn trong văn chương Việt Nam. Khởi đi từ văn học dân gian, biển đã lặng lẽ nối liền đôi bờ văn chương xưa - nay, nối liền tâm thức cá nhân đơn lẻ - tâm thức tập thể, cộng đồng. Như một hằng số bất biến, biển hiện lên trong văn học Việt Nam với sự giàu đẹp, lớn rộng mênh mông, gần gũi, quen thuộc song cũng vô vàn hiểm nguy, thử thách. Ở nét nghĩa biểu trưng, biển là hình phạt nhưng cũng đồng thời là sự giải thoát. Biển - cứu rỗi, bao dung. Biển - hoài bão, khát vọng. Biển - nơi con người tích lũy tri thức và hình thành các ứng xử văn hóa trong mối quan hệ với tự nhiên; nơi chứa đựng nhiều triết lí sâu xa về vũ trụ, nhân sinh... Nhìn chung, trong cảm quan của người Việt từ bao đời nay, biển luôn mang vẻ đẹp đa dạng và giàu tính triết mĩ.

Việc khảo sát, phân tích hình tượng biển trong văn học Việt Nam, vốn dĩ, không phải là một đề tài mới lạ. Song, với việc đặt hình tượng biển trong cái nhìn đa chiều, theo nhiều hệ quy chiếu (thời gian, không gian, ý thức hệ...) giúp mang đến một cái nhìn toàn diện, sáng rõ về sự vận động của hình tượng biển trong văn chương dân tộc. Từ đó, có thể nhận ra tâm thế *hướng ra biển đại dương* trong xu thế hội nhập, phát triển của nước ta. Đó không chỉ đơn thuần vì lợi ích kinh tế, mà quan trọng hơn, còn là sự lựa chọn văn hóa thiêng liêng, mang tính sống còn của dân tộc Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1],[2] *Ca dao miền biển Phú Yên* (Ngô Sao Kim)

- <http://cadaotucngu.com/tieuluan/cadaodongdao/cadaomienbienphuyen.htm>
- [3] <https://cadao.me/ve/ve-cac-lai-hat-ra/>
- [4], [5], [6], [7], [8], [9], [10], [11], [12], [13], [14], [15] Viện văn học (1999), *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.657, 645, 638, 61, 649, 758, 422, 297, 614, 343, 270.
- [16], [17], [27] Mai Xuân Hải (tuyển chọn và biên soạn), *Lê Thánh Tông, thơ văn và cuộc đời*, Nxb. Hội Nhà văn, HN, 1997.
- [18], [23], [24], [30] Nguyễn Hữu Sơn (tuyển chọn và giới thiệu)(2013), *Nguyễn Trãi – về tác giả và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [19] Trần Cư, *Trên lái than*, Tạp chí *Tiểu thuyết thứ bảy*, số 7 – 1944.
- [20] Vĩnh Phúc, *Một tuần ở đảo Hoàng Sa. Tràng An báo* (Huế), số 345, ra ngày 9-8-1938, tr.1+4. In lại trên *Văn nghệ* (Hội Nhà văn Việt Nam), số 24, ra ngày 14-6-2014, tr.4.
- [21] Hồ Biểu Chánh, *Hà Tiên du ngoạn*, Nam phong Tạp chí, số 37, ngày 27/5/1943.
- [22] Lại Nguyên Ân – Nguyễn Hữu Sơn (sưu tập), *Tạp chí Tri tân (1941-1945) – Truyện và ký*, Nxb. Hội Nhà văn, HN, 2000, tr.607-627.
- [25] Nguyễn Việt Chiến, *Tổ quốc nhìn từ biển*, nguồn: [http://www.thivien.net/Nguyễn – Việt – Chiến/ Tổ -quốc – nhìn – từ - biển/ poem- 8PHIc_ mctZ-wlkeVABLOsw](http://www.thivien.net/Nguyễn-Việt-Chiến/Tổ-quốc-nhìn-từ-biển/poem-8PHIc_mctZ-wlkeVABLOsw).
- [26], [29] Nguyễn Phan Quế Mai, *Tổ quốc gọi tên*, nguồn: <http://vanhocquenha.vn/vi-vn/113/50/loi-binh-bai-tho-to-quoc-goi-ten/136508.html>.
- [28] <http://www.thivien.net/Nguyễn-Bình-Khiêm/Cự-ngao-đời-son/poem-eTnr-ODu5WIVqNtr-EtTYA>.
- [31] Mộng Tuyết, *Chơi Phú Quốc*, tạp chí *Nam Phong*, số 198, tháng 4-1934, tr. 440-443; số 199, tháng 5+6-1934, tr.22-24.
- [32] Tản Đà, *Hỏi gió*, nguồn: poem.tkaraoke.com/13561/Hoi_Gio.html.
- [33] Phan Bội Châu, *Xuất dương lưu biệt*, nguồn: http://www.thivien.net/Phan-Bội-Châu/Xuất-dương-lưu-biệt/poem-Yrk8Z5Puvxb0Vkin_0xrSw.
- [34] Cao Bá Quát, *Sa hành đoàn ca*, nguồn: www.thivien.net/Cao-Bá-Quát/Sa-hành-đoàn-ca/poem-1Y8rh7tXJvOzKKsk-3FC5g.
- [35] Nguyễn Hữu Quý, *Hạ thủy những giấc mơ*, nguồn: <http://nguyenuuquy.vnweblogs.com/a209765/ha-thuy-nhung-giac-mo.html>.
- [36] Nguyễn Huy Thiệp (1993), *Con gái thủy thần*, Xnb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [37], [38] nguồn <http://www.thivien.net/Huy-Cận>
- [39], [40] Nhiều tác giả (1990), *Tình bạn, tình yêu*– thơ, Nxb Giáo dục, TP.HCM, tr.313, tr.286
- [41] Trần Đăng Khoa, *Thơ tình người lính biển*, nguồn: <http://www.thivien.net/Trần-Đăng-Khoa/Thơ-tình-người-lính-biển>.
- [42] Phan Thị Nga, *Ra Cù Lao Yến*, Ngày nay, số 10-1935, tr.4-5; số 11-1935, tr.4-5.

Abstract**The sea in Vietnamese literature**

Throughout the Vietnamese literature history, the sea has been a source of inspiration, as well as a basic art form. In addition, the sea is an object of aesthetics, a cognitive object and also a meaningful symbol. From folk literature to writing literature, the image of the sea has brought steady features such as richness, generosity, dangers, challenges; and also presents exciting movement, development, and transformation associated with the change of people's consciousness and thoughts when talking about the sea or standing in front of it. From the perspective of literary art, the sea has been shown as an integral part of the cognition and culture of Vietnamese from the past to the future.

Key words: *image of the sea, Vietnamese literature*